

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN,
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1033/2022/ HNGĐ-ST

Ngày 07-9-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Trần Duyên Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Đắc Toàn.
2. Ông Trần Ngọc Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 465/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị Cẩm N, nơi cư trú: Đội X, thôn L, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Châu Văn T, nơi cư trú: Tổ Z, khu vực V, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 02 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hà Thị Cẩm N trình bày:

Chị và anh Châu Văn T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 20-3-2012 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Q. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống ở nhà cha mẹ chồng; khoảng một năm sau, vợ chồng chị chuyển về sống ở nhà cha mẹ chị ở đội X, thôn L, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc; nhưng khoảng ba năm sau, chồng chị liên tục xúc

phạm, đánh đập chị và nhiều lần dọa giết chị, mâu thuẫn gay gắt khó hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được; vợ chồng chị đã ly thân được 05 năm, không còn tình cảm, trách nhiệm với nhau. Cho nên, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung, vợ chồng chị có 01 con chung là Châu Chí P (sinh ngày 09-8-2012), sức khỏe bình thường, đang sống cùng chị. Hiện tại, chị không có mang thai; chị làm nghề may, chồng chị làm sơn; thu nhập trung bình của chị khoảng 10.000.000 đồng/tháng. Nếu ly hôn thì chị xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, vợ chồng chị thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Châu Văn T đã được Tòa án thông báo, tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa để làm việc, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và Tòa án cũng không lấy được lời khai của anh T.

* Tại bản khai đề ngày 22 tháng 3 năm 2022, cháu Châu Chí P trình bày: Cha cháu tên là Châu Văn T, mẹ cháu tên là Hà Thị Cẩm N. Nếu cha, mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu xin được ở với mẹ vì mẹ chăm sóc cháu từ nhỏ đến giờ.

* Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Chấp nhận yêu cầu của chị Hà Thị Cẩm N được ly hôn anh Châu Văn T.

- Giao cháu Châu Chí P cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn chị Hà Thị Cẩm N yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con. Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn đã thụ lý và đưa ra xét xử vụ án dân sự về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Châu Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các quyết định tố tụng nhưng tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần hai không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

[3] Chị Hà Thị Cẩm N và anh Châu Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Q vào ngày 20-3-2012, nên hôn nhân giữa chị N và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị N trình bày, vợ chồng chị chung sống với nhau được khoảng ba năm thì phát sinh mâu thuẫn; anh T thường xuyên xúc phạm, đánh đập chị và nhiều lần dọa giết chị, mâu thuẫn gay gắt khó hàn gắn và vợ chồng chị đã ly thân được 05 năm, không còn tình cảm, trách nhiệm với nhau. Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo nhưng anh T không đến Tòa để trình bày ý kiến, nguyện vọng, chứng tỏ không có thiện chí, có ý thức bỏ mặc cho quan hệ hôn nhân của mình. Xét tình trạng hôn nhân của chị N và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa chấp nhận cho chị N được ly hôn anh T.

[4] Chị N và anh T có 01 con chung là Châu Chí P (sinh ngày 09-8-2012). Chị N yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét điều kiện của các bên cũng như nguyện vọng và quyền lợi về mọi mặt của con chung; cháu P đã ở với mẹ và được mẹ chăm sóc từ nhỏ đến nay, tình cảm mẹ con gắn bó. Cho nên, Tòa chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cháu P cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, do các bên không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm, theo điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị N phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hà Thị Cẩm N và anh Châu Văn T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cháu Châu Chí P (sinh ngày 09-8-2012) cho chị Hà Thị Cẩm N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

2.2. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Hà Thị Cẩm N không yêu cầu anh Châu Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nếu lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hà Thị Cẩm N phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003548 ngày 22 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Quy Nhơn;
- UBND P. Trần Quang Diệu, Tp. Quy Nhơn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Trần Duyên Anh